

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VĨNH YÊN
TỈNH VĨNH PHÚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 94/2024/HS-ST
Ngày 16 tháng 7 năm 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH YÊN, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Việt Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phùng Đình Bàn

Bà Nguyễn Thị Thanh Mai

Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Thanh Huệ - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Vĩnh Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Trang- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 83/2024/HS-ST ngày 19/6/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 92/2024/QĐXXST-HS ngày 04/7/2024, đối với bị cáo:

Nguyễn Văn N, sinh năm 1985 tại tỉnh Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn S (đã chết) và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Nguyễn Thị T (đã ly hôn) và 01 con; tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án:

- Tại Bản án số 05/2015/HSST ngày 23/01/2015 của TAND huyện Tam Dương, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Văn N bị xử phạt 02 năm 6 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 19/01/2017, N chấp hành xong hình phạt tù, ngày 06/03/2015 chấp hành xong án phí.

- Tại Bản án số 86/2018/HSST ngày 20/7/2018 của TAND thành phố Vĩnh Yên, Nguyễn Văn N bị xử phạt 06 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” (Trị giá tài sản cướp giật là 32.300.000đ), bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 20.700.000đ, án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ, án phí dân sự trong hình sự 1.035.000đ. Ngày 21/10/2023, N chấp hành xong hình phạt tù, tháng 7/2023 N chấp hành xong án phí. Đối với khoản bồi thường cho các bị hại, N chưa thi hành.

Nhân thân:

+ Tại Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 15-QĐ/XPVPHC ngày 20/5/2006 của Công an xã H, huyện T đã xử phạt Nguyễn Văn N 200.000đ về hành vi trộm cắp tài sản. Cùng ngày 20/5/2026, N đã nộp phạt.

+ Tại Bản án số 81/2006/HSST ngày 29/8/2006 của TAND thị xã Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc (nay là TAND thành phố Vĩnh Yên) xử phạt Nguyễn Văn N 15 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại khoản 2 Điều 136 BLHS năm 1999 (Trị giá tài sản chiếm đoạt là 8.000.000đ), bồi thường cho anh Nguyễn Văn Đ số tiền 1.200.000đ, án phí hình sự sơ thẩm 50.000đ, án phí dân sự trong hình sự 60.000đ. Ngày 22/08/2007 N chấp hành xong hình phạt tù; tháng A chấp hành xong án phí; tháng 9/2007 thi hành xong khoản bồi thường anh Đ.

+ Tại Bản án số 90/2012/HSST ngày 24/10/2012 của TAND huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng xử phạt Nguyễn Văn N 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999 (Trị giá tài sản trộm cắp là 2.988.500đ), Nam chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2013; tháng 7/2013 chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/01/2024 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh V (có mặt).

- *Bị hại*: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ dân phố C, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn G, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N là đối tượng không có công ăn việc làm, mới chấp hành xong hình phạt tù được trở về địa phương, do không có tiền tiêu xài cá nhân nên N đã nảy sinh ý định đi cướp giật tài sản. Khoảng 10 giờ 25 phút ngày 25/01/2024, Nam một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, mang biển kiểm soát (BKS) 88K1-208.98 đi từ nhà ở thôn G, xã H, huyện T xuống thành phố V mục đích tìm người có tài sản sơ hở để cướp giật. Khoảng 11 giờ 40 phút cùng ngày, khi đi đến ngõ A đường N, phường Đ, Nam thấy chị Nguyễn Thị L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Lead BKS 88K1-245.34 để một túi xách cườc bằng nhựa màu xanh - đỏ - vàng có quai xách (bên trong có túi xách da màu đen) nên nảy sinh cướp giật chiếc túi xách này. N đi theo chị L từ ngõ A đường N

rồi rẽ phải ra đường N, đi được khoảng 200m đến khu vực cổng trường T1 thuộc Tổ dân phố G, phường Đ, thành phố V. Quan sát xung quanh thấy vắng người, Nam tăng ga áp sát vào bên trái xe mô tô của chị L rồi bất ngờ dùng tay phải giật chiếc túi xách, sau đó để túi xách vừa giật được vào giá hàng ở yếm xe và nhanh chóng tăng ga bỏ chạy theo đường 52 rẽ trái qua cây xăng T2 về đường quốc lộ 2C qua đường L, xã T đi xã D, khi đến cánh đồng vắng người thì N dừng xe kiểm tra bên trong chiếc túi xách có những tài sản gồm: 01 túi da màu đen bên trong có 9.700.000đ; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung ốp màu hồng; 01 sổ giáo án; 01 tạp dề hoa màu xanh; 01 máy tính cầm tay nhãn hiệu Casio. N cất số tiền 9.700.000đ vào túi rồi vứt bỏ túi xách, tạp dề, điện thoại, máy tính và sổ giáo án xuống dưới kênh nước cạnh cánh đồng rồi đi về nhà. Số tiền 9.700.000đ N đã một mình tiêu xài hết 7.724.000đ còn lại 1.976.000đ.

Ngày 25/01/2024, chị Nguyễn Thị L làm đơn trình báo Cơ quan Công an về việc bị cướp giật tài sản như trên. Ngày 29/01/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố V (CQĐT) triệu tập Nguyễn Văn N. Quá trình làm việc, N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên; đồng thời tự nguyện giao nộp số tiền 1.976.000đ; 01 chiếc xe Yamaha Sirius màu đen BKS 88K1-280.98; 01 mũ bảo hiểm màu đỏ loại nửa đầu; 01 áo khoác màu nâu; 01 quần dài màu nâu; 01 đôi giày màu nâu là những trang phục và phương tiện N đã sử dụng để đi cướp giật tài sản.

Ngày 02/4/2024, CQĐT ban hành quyết định định giá tài sản số 1178 đề nghị Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự của UBND thành phố V định giá đối với các tài sản chị L bị cướp giật. Ngày 05/4/2024, Hội đồng định giá tài sản kết luận trị giá: 01 túi xách cước nhựa, màu xanh đỏ - vàng, có quai, kích thước 40x40 (cm), đã qua sử dụng: 70.000 đồng; 01 quyển sổ giáo án loại giấy A4, loại 72 trang: 20.000 đồng; 01 máy tính Casio kích thước 05x10 (cm): 70.000 đồng; 01 tạp dề hoa màu xanh, kích thước 65x75 (cm): 80.000 đồng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A10, màu hồng: 1.600.000 đồng; 01 túi xách màu đen loại túi đeo trước ngực, đã qua sử dụng: 200.000 đồng. Tổng trị giá tài sản chị L bị cướp giật vào ngày 25/01/2024 bao gồm cả trị giá tài sản và tiền mặt: 2.040.000 đồng + 9.700.000 đồng = 11.740.000 đồng. CQĐT đã thông báo kết luận định giá tài sản cho Nguyễn Văn N và bị hại là chị Nguyễn Thị L biết, N và chị L không có ý kiến thắc mắc hay khiếu nại gì.

Cáo trạng số: 93/CT-VKSTPVY ngày 17/6/2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố Nguyễn Văn Nam về tội: “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên lời khai nhận tội ở giai đoạn điều tra, đối với tài sản là 01 mũ bảo hiểm màu đỏ loại nửa đầu; 01 áo khoác màu nâu; 01 quần dài màu nâu không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tiêu hủy theo quy định, bị cáo đồng ý bồi thường cho bị hại; 01 đôi giày màu nâu. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố Nguyễn Văn N phạm tội “Cướp giật tài sản”; áp dụng quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt Nguyễn Văn N từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/01/2024; áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc N phải tiếp tục bồi thường khoản tiền còn thiếu cho chị L là 9.764.000 đồng; trả lại cho bà Nguyễn Thị D Chiếc xe mô tô BKS: 88K1-280.98; tịch thu tiêu hủy 01 mũ bảo hiểm màu đỏ loại nửa đầu; 01 áo khoác màu nâu; 01 quần dài màu nâu; 01 đôi giày màu nâu do không còn giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị hại Nguyễn Thị L vắng mặt nhưng trong giai đoạn điều tra khai đã nhận được số tiền 1.976.000đ và yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền 9.764.000đ. Bà Nguyễn Thị D vắng mặt nhưng đã có lời khai trình bày bị cáo N là con đẻ của bà tự ý lấy xe máy của bà đi cướp giật tài sản nhưng không gây thiệt hại gì về xe nên không có yêu cầu bồi thường gì.

Bị cáo không có tranh luận gì, trong lời nói sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để sớm trở lại hòa nhập cộng đồng, tu dưỡng bản thân thành người có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, Nguyễn Văn N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã được công bố, xét lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có

quyền lợi nghĩa vụ liên quan, phù hợp với vật chứng đã được thu giữ được và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, như vậy có đủ cơ sở để kết luận:

Khoảng 11 giờ 50 phút ngày 25/01/2024, trên đường N thuộc tổ dân phố G, phường Đ, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc Nguyễn Văn N sử dụng xe mô tô Yamaha Sirius, màu đen, mang BKS 88K1-208.98 thực hiện hành vi cướp giật tài sản là chiếc túi xách cước nhựa bên trong có 01 quyển sổ giáo án; 01 tạp dề; 01 máy tính Casio; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy A10; 01 túi xách màu đen loại túi đeo trước ngực và số tiền mặt 9.700.000đ của chị Nguyễn Thị L. Tổng trị giá số tài sản mà N chiếm đoạt được bao gồm tiền mặt và tài sản theo kết luận định giá là 11.740.000đ.

Trước khi thực hiện hành vi nêu trên, N đã phạm tội Cướp giật tài sản thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm (Bản án hình sự sơ thẩm số 86/2018/HSST ngày 20/7/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Yên). Đến nay chưa được xóa án tích, Nam lại tiếp tục cố ý phạm tội nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên truy tố Nam về tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do đó cần xử lý nghiêm mới có thể cải tạo bị cáo và có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm.

[4] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trước khi phạm tội bị cáo là người có nhân thân rất xấu, đã từng nhiều lần bị kết án về các tội Cướp giật tài sản, Lừa đảo chiếm đoạt tài sản; Trộm cắp tài sản và Tàng trữ trái phép chất ma túy. Sau khi chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương, bị cáo không tu dưỡng bản thân, lao động chân chính mà còn tiếp tục chiếm đoạt tài sản của người khác cho thấy bị cáo là người có thái độ coi thường pháp luật.

Sau khi phạm tội, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi của mình nên được hưởng một tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Mặc dù bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm nhưng đã xác định đây tình tiết định khung hình phạt nên không bị áp dụng là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự do vậy bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào.

[5] Về hình phạt chính: Hội đồng xét xử đánh giá dựa trên đặc điểm nhân thân, tính chất tội phạm cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thấy rằng cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian bằng phạt tù giam mới đảm bảo tính nghiêm khắc trong giáo dục cải tạo người phạm tội và phòng ngừa tội phạm nói chung trong xã hội. Như vậy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Yên về mức hình phạt đối với bị cáo là phù hợp có căn cứ để chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 171 của Bộ luật hình sự còn quy định người phạm tội có thể bị phạt tiền bổ sung từ 10.000.000đ đến 100.000.000đ. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản để đảm bảo thi hành án nên không bổ sung là phù hợp.

[7] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng và người có liên quan:

Tổng trị giá thiệt hại về tài sản của bị cáo gây ra đối với bị hại Nguyễn Thị L là 11.740.000 đồng. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp để Cơ quan điều tra trả cho bị hại số tiền 1.976.000đ. Do vậy, cần buộc bị cáo phải bồi thường cho chị L số tiền còn lại là 9.764.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô BKS: 88K1-280.98 là phương tiện N sử dụng đi cướp giật tài sản. Cơ quan điều tra đã làm rõ, xe máy là tài sản hợp pháp bà Nguyễn Thị D là mẹ của bị cáo. Bà D không biết việc bị cáo đã tự ý sử dụng xe máy của mình do vậy cơ quan điều tra và Viện kiểm sát không xử lý trách nhiệm của bà D đồng thời đề nghị trả lại tài sản cho chủ sở hữu là có căn cứ. Bà D không có yêu cầu gì về bồi thường thiệt hại của xe do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với 01 mũ bảo hiểm màu đỏ loại nửa đầu; 01 áo khoác màu nâu; 01 quần dài màu nâu; 01 đôi giày màu nâu bị cáo xác định không còn giá trị sử dụng đối với bị cáo và đề nghị tiêu hủy theo quy định được Hội đồng chấp nhận.

[8] Án phí: Bị cáo phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Ngoài ra bị cáo còn phải chịu án phí dân sự trong vụ án hình sự đối với trách nhiệm bồi thường cho bị hại số tiền 9.764.000đ, tương đương án phí phải chịu là 9.764.000đ x 5% = 488.200đ, làm tròn 488.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố Nguyễn Văn N tội “Cướp giật tài sản”.

Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 phạt

Nguyễn Văn N 04 (Bốn) năm 06 (tháng) tù, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam 29/01/2024.

Áp dụng Điều 357, Điều 468, khoản 1 Điều 584, khoản 1 Điều 585, khoản 1 Điều 586, Điều 589 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Buộc Nguyễn Văn N có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị Nguyễn Thị L số tiền 9.764.000 đồng (Chín triệu bảy trăm sáu mươi tư nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị cáo Nguyễn Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ về bồi thường thiệt hại thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo lãi suất 10%/năm.

Áp dụng khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại bà Nguyễn Thị D 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen, mang BKS 88K1-208.98.

Tịch thu tiêu hủy của Nguyễn Văn N 01 mũ bảo hiểm màu đỏ loại nửa đầu; 01 áo khoác màu nâu; 01 quần dài màu nâu; 01 đôi giày màu nâu.

(Vật chứng có đặc điểm nêu tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản của cơ quan thi hành án dân sự).

Áp dụng Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, buộc Nguyễn Văn N, phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 488.000 đồng (Bốn trăm tám mươi tám nghìn đồng) án phí dân sự trong án hình sự. Tổng số tiền án phí bị cáo phải thi hành là 688.000 đồng (Sáu trăm tám mươi tám nghìn đồng).

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát tỉnh Vĩnh P;
- Viện kiểm sát thành phố Vĩnh Y;
- Công an thành phố Vĩnh Y;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh P;
- Chi cục thi hành án Vĩnh Y;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Việt Quang